

Bản án số: **136/2023/DS-ST**

Ngày: 28 - 9 - 2023

“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU - TP. ĐÀ NẴNG**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Mỹ Dung

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Công Tâm

Bà Nguyễn Thị Minh Nguyệt

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Ánh Nguyệt - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

Ngày 28 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 189/2023/TLST- DS ngày 05 tháng 6 năm 2023 về *“Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 189 /2023/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 9 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 189/2021/QĐST-DS ngày 21 tháng 9 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị C - sinh năm: 1960; Địa chỉ: Số 124 T, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng, có mặt

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị M, sinh năm: 1954; Địa chỉ: Số 268/18 T quận H, thành phố Đà Nẵng, có mặt

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị M: Bà Trần Thị H, sinh năm: 1949. Địa chỉ: Số 340/1 P, phường B, quận H, thành phố Đà Nẵng tham gia tố tụng theo văn bản ủy quyền ngày 07/9/2023, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10 tháng 5 năm 2023, lời khai trong quá trình tố tụng nguyên đơn bà Nguyễn Thị C trình bày:

Bà C và bà Nguyễn Thị M trước đây có quan hệ quen biết với nhau nên giữa bà C và bà M phát sinh việc vay mượn tiền cụ thể như sau: Ngày 16/6/2016, bà C có cho bà Nguyễn Thị M mượn số tiền là 65.000.000 đồng; lãi suất tính 1.000.000đ là 12.000

đồng/tháng kể từ ngày vay tiền. Ngày 12/7/2018, bà C cho bà Nguyễn Thị M mượn số tiền là 90.000.000 đồng; lãi suất tính 1.000.000đ là 12.000 đồng/ tháng kể từ ngày vay tiền. Ngày 18/8/2019, bà C có cho bà Nguyễn Thị M mượn số tiền là 80.000.000 đồng; lãi suất tính 1.000.000 đ là 12.000 đồng/ tháng kể từ ngày vay tiền. Ngày 20/01/2021, bà C có cho bà Nguyễn Thị M mượn số tiền là 200.000.000 đồng; lãi suất tính 1.000.000 đ là 12.000 đồng/ tháng kể từ ngày vay tiền. Các lần vay tiền trên bà M nói vay với mục đích là để làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên bà C tin tưởng cho bà M vay mượn tiền. Trong các lần vay tiền, bà C là người giao tiền cho bà M tại nhà bà C ở địa chỉ số: 124 T, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng. Bà Nguyễn Thị M có viết 04 giấy mượn tiền cho bà C vào các ngày 16/6/2016; ngày 12/7/2018; ngày 18/8/2019; ngày 20/01/2021. Sau nhiều lần bà C yêu cầu bà M trả tiền nhưng bà M vẫn không chịu trả nên đến ngày 30/12/2022 bà Nguyễn Thị M có viết giấy xác nhận lãi suất cho bà C. Từ ngày bà M vay tiền của bà C đến thời điểm hiện nay bà C đã nhiều lần thông báo cho bà M trả lại số tiền đã mượn cho bà C nhưng bà M vẫn không thực hiện. Do đó, bà C khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị M trả số tiền gốc và lãi tính đến 30/4/2023 là: 649.500.000 đồng (Sáu trăm bốn mươi chín triệu năm trăm nghìn đồng); trong đó tiền gốc: 435.000.000 đồng, tiền lãi: 214.500.000 đồng (Tiền lãi được tính cụ thể: Tiền lãi đợt vay thứ nhất từ ngày 16/6/2016 đến ngày 30/4/2023 là 59.000.000 đồng; Tiền lãi đợt vay thứ hai từ ngày 12/7/2018 đến ngày 30/4/2023 là 61.500.000 đồng; Tiền lãi đợt vay thứ ba từ ngày 18/8/2019 đến ngày 30/4/2023 là 42.000.000 đồng; Tiền lãi đợt vay thứ tư từ ngày 20/01/2021 đến ngày 30/4/2023 là 52.000.000 đồng).

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa bị đơn bà Nguyễn Thị M bày:

Bà M xác nhận chỉ vay của bà Nguyễn Thị C số tiền là 65.000.000 đồng theo giấy mượn tiền ngày 16/6/2016. Khi vay giữa bà C và bà M có thỏa thuận lãi suất là 10 %/tháng kể từ ngày vay. Kể từ ngày vay bà M vẫn trả lãi đều đặn cho bà C nhưng đến năm 2021 do dịch bệnh, kinh tế khó khăn nên bà M không trả tiền lãi cho bà C được nữa, khi bà M trả tiền lãi cho bà C thì không có giấy tờ xác nhận. Trong quá trình vay có vài lần chậm trả lãi nên giữa 02 bên có phát sinh mâu thuẫn. Đối với các giấy vay tiền vào các ngày 16/6/2016, 12/7/2018, 18/8/2019, 20/01/2021, giấy xác nhận lãi suất ngày 30/12/2022 bà M là người viết nhưng bà M viết là do bị bà C ép buộc, dọa nạt. Nay bà Nguyễn Thị C khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà M trả số tiền gốc và lãi là: 649.500.000 đồng (Sáu trăm bốn mươi chín triệu năm trăm

ngàn đồng); trong đó tiền gốc: 435.000.000 đồng, tiền lãi tính đến 30/4/2023 là: 241.500.000 đồng bà M không đồng ý. Bà M xác định chỉ vay bà C số tiền 65.000.000đ nhưng bà M đã viết các giấy mượn tiền như bà C cung cấp nên bà M đồng ý trả nợ. Tuy nhiên, do hoàn cảnh kinh tế của bà M khó khăn nên bà M xin trả dần mỗi tháng từ 1.000.000đ đến 2.000.000đ cho đến khi trả xong nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Theo đơn khởi kiện đề ngày 10 tháng 5 năm 2023 nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền vay theo giấy mượn tiền các ngày 16/6/2016; ngày 12/7/2018; ngày 18/8/2019; ngày 20/01/2021 và giấy xác nhận lãi suất ngày 30/12/2022. Đây là tranh chấp về hợp đồng vay tài sản. Bị đơn bà M có địa chỉ tại quận H, thành phố Đà Nẵng. Do đó, căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng thụ lý giải quyết vụ án là đúng về thẩm quyền.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Căn cứ vào các giấy mượn tiền vào các ngày 16/6/2016; ngày 12/7/2018; ngày 18/8/2019; ngày 20/01/2021 và giấy xác nhận lãi suất ngày 30/12/2022 thể hiện bà Nguyễn Thị M có mượn của bà Nguyễn Thị C tổng số tiền 435.000.000 đồng. Cụ thể như sau: Giấy mượn tiền ngày 16/6/2016 bà Nguyễn Thị M vay số tiền là 65.000.000 đồng; Giấy mượn tiền ngày 12/7/2018, bà Nguyễn Thị M vay số tiền là 90.000.000 đồng; Giấy mượn tiền ngày 18/8/2019, bà Nguyễn Thị M vay số tiền là 80.000.000 đồng; Giấy mượn tiền ngày 20/01/2021, bà Nguyễn Thị M vay số tiền là 200.000.000 đồng. Ngoài ra vào ngày 30/12/2022 bà M có viết giấy xác nhận thỏa thuận tiền lãi suất là 12.000 đ/ 1.000.000 đ/1 tháng. Sau khi mượn tiền bà M không thực hiện thỏa thuận về trả lãi theo cam kết nên bà C khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà M phải trả số tiền gốc và lãi tính đến 30/4/2023 là: 649.500.000 đồng; trong đó tiền gốc: 435.000.000 đồng, tiền lãi: 214.500.000 đồng. Bị đơn bà M khai nại chỉ mượn của bà C số tiền 65.000.000đ và có trả lãi cho bà C từ khai vay tiền đến năm 2021 do tình hình dịch bệnh nên không trả được tiền lãi. Đối với các mượn tiền các ngày 12/7/2018, 18/8/2019, 20/01/2021, giấy xác nhận lãi suất ngày 30/12/2022 là bà C ép buộc bà M viết nhưng việc trả tiền lãi cho bà C và việc bị ép buộc viết và ký các giấy mượn tiền nêu trên bà M không có tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh. Do đó, tại

phiên tòa bà M đồng ý trả nợ cho bà C theo phương án xin trả dần mỗi tháng từ 1.000.000đ đến 2.000.000đ cho đến khi trả xong nợ.

[2.2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy: Việc bà C cho bà M vay tiền có viết giấy vay, có thỏa thuận cụ thể về lãi suất nhưng không thỏa thuận về thời gian trả tiền gốc và lãi. Quá trình tố tụng, bị đơn bà M khai nại bà M viết các giấy mượn tiền các ngày 12/7/2018, 18/8/2019, 20/01/2021, giấy xác nhận lãi suất ngày 30/12/2022 là do bị bà C đe dọa, ép buộc nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh về vấn đề này. Do đó, các Hợp đồng vay tài sản nêu trên thỏa mãn điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự theo quy định tại Điều 122 của Bộ luật Dân sự năm 2005 nên có hiệu lực pháp luật, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên, buộc các bên tham gia giao dịch phải tuân thủ thực hiện. Bà C đã thông báo đòi tiền đối với bà M, bà M đồng ý trả nợ nhưng xin trả dần nên yêu cầu khởi kiện của bà C là có cơ sở. HĐXX xác định các hợp đồng vay tài sản giữa bà M và bà C là hợp đồng vay không kỳ hạn và có lãi nên bà C có quyền đòi lại tài sản bất cứ lúc nào và được trả lãi đến thời điểm nhận lại tài sản. Tuy nhiên, bà C chỉ yêu cầu bà M trả tiền gốc và tiền lãi tính đến tháng 4/2023 đối với từng khoản vay, đồng thời tại khoản vay số tiền 65.000.000đ của ngày 16/6/2016 tính đến tháng 4/2023 là 81 tháng nhưng bà C chỉ tính 76 tháng để tạo điều kiện cho bà M trả nợ và không yêu cầu HĐXX tính lại thời gian tính lãi là 81 tháng. Xét đây là quyền của người khởi kiện nên HĐXX xem xét chấp nhận. Xét số tiền gốc nguyên đơn bà C yêu cầu được xác định trên cơ sở giấy mượn tiền các ngày 16/6/2016, 12/7/2018, 18/8/2019, 20/01/2021 là 435.000.000 đồng. Xét số tiền lãi yêu cầu được thể hiện tại nội dung giấy vay tiền các ngày 16/6/2016, 12/7/2018, 18/8/2019, 20/01/2021 và giấy xác nhận lãi suất ngày 30/12/2022, việc thỏa thuận lãi suất này giữa các đương sự phù hợp với quy định tại điều 468 Bộ luật dân sự. Do đó, HĐXX căn cứ quy định tại các Điều 463, 469 Bộ luật Dân sự chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn bà Nguyễn Thị M phải trả cho bà Nguyễn Thị C số tiền gốc và lãi tính đến tháng 4/2023 là 649.500.000 đồng; trong đó tiền gốc: 435.000.000 đồng, tiền lãi: 214.500.000 đồng; trong đó tiền gốc: 435.000.000 đồng, tiền lãi: 214.500.000 đồng.

[2.3] Quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn bà C không yêu cầu Tòa án tính lãi đến thời điểm xét xử nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[2.4] Tại phiên tòa, bà M xin HĐXX cho bà M được trả nợ theo phương án xin trả dần mỗi tháng từ 1.000.000đ đến 2.000.000đ cho đến khi trả xong nợ nhưng

nguyên đơn bà C không đồng ý với phương án trả nợ mà bà M nêu nên HĐXX không có cơ sở xem xét mà phải buộc bà M phải trả toàn bộ số tiền theo yêu cầu của bà C.

[3] Về án phí: Đối với phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Tuy nhiên bà M có đơn xin được miễn tiền án phí và được HĐXX chấp nhận theo trường hợp người cao tuổi, quy định tại điểm đ, khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 357, 463, 468, 469 của Bộ luật dân sự năm 2015

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị C đối với bị đơn là bà Nguyễn Thị M về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Tuyên xử:

1. Buộc bà Nguyễn Thị M phải có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị C số tiền là 649.500.000 đồng (*Sáu trăm bốn mươi chín triệu năm trăm nghìn đồng*); trong đó tiền gốc là: 435.000.000 đồng, tiền lãi tính đến tháng 4/2023 là: 214.500.000 đồng.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ thì hằng tháng còn phải trả khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị M là người cao tuổi nên được miễn tiền án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị C tiền tạm ứng án phí là 14.990.000 đ (*Mười bốn triệu chín trăm chín mươi nghìn đồng*) đã nộp theo biên lai thu số 0007538 ngày 01.06.2023 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 28/9/2023.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- *Đương sự;*
- *VKSND quận Hải Châu;*
- *Chi cục THADS quận Hải Châu*
- *Lưu hồ sơ.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Thị Mỹ Dung